TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:155/2025/QĐST- HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 24 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 143/2025/TLST - HNGĐ ngày 23/10/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Đội 3, thôn B, xã L, tỉnh Hưng Yên.

CCCD: 033……

2. Bị đơn: chị Hà Thị T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Đội 3, thôn B, xã L, tỉnh Hưng Yên.

CCCD: 025……

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/12/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Hà Thị T.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: anh Nguyễn Văn T và chị Hà Thị T đều nhất trí thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 18/11/2011 và Nguyễn Thế V, sinh ngày 17/01/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị T. Anh T và chị T thỏa thuận, giao chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đối với cháu P là 3.000.000 đồng/tháng, cháu V là 2.000.000 đồng/tháng, tổng là 5.000.000 đồng/tháng/2 cháu, thời hạn đóng góp nuôi con kể từ khi quyết định, bản án ly hôn của vợ chồng anh, chị có hiệu lực pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung; công sức; công nợ; ruộng canh tác: anh T, chị T tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: anh T, chị T thỏa thuận để anh T chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002521 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 3 – Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hưng Yên;
- UBND xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh